

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Cẩm Vân

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN
THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA - NGƯỜI BÁN TẠI
CÔNG TY TNHH CÁT NHẬT MINH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Cẩm Vân

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Cẩm Vân

Mã SV: 2112401020

Lớp : QT2501K

Ngành : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thanh toán với người mua
- người bán tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Nghiên cứu những lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Cát Nhật Minh.
- Đề xuất một số giải pháp giúp công ty hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán của doanh nghiệp.
- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.
- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty TNHH Cát Nhật Minh.
- Địa chỉ: Thôn Quán Bể (Tại nhà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Phạm Thị Nga

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Cát Nhật Minh.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2025

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2025

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên:

Đơn vị công tác: *Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng*

Họ và tên sinh viên: Chuyên ngành:

Đề tài tốt nghiệp:

.....

Nội dung hướng dẫn:

.....

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

.....

.....

.....

.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

DANH MỤC SƠ ĐỒ

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Một số khái niệm cơ bản về thanh toán	3
1.1.1. Khái niệm thanh toán và hình thức thanh toán	3
1.1.2. Nhiệm vụ kế toán thanh toán	4
1.2. Nội dung tổ chức kế toán thanh toán với người mua.....	5
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua	5
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua	6
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua.....	8
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán.....	9
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	9
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán .	9
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....	12
1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.....	12
1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ	13
1.5. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	15
1.5.1. Theo Hình thức Nhật ký chung.....	15
1.5.2. Theo Hình thức Nhật ký - sổ cái	17
1.5.3. Theo Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	19
1.5.4. Theo Hình thức Kế toán máy	21
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CÁT NHẬT MINH.....	23
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Cát Nhật Minh	23

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Cát Nhật Minh.....	23
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ.....	24
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty	25
2.1.4. Thành tích cơ bản đạt được của công ty TNHH Cát Nhật Minh	26
2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh.....	27
2.1.6. Chế độ kế toán áp dụng tại đơn vị.....	28
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Cát Nhật Minh.....	28
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh.....	28
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh	29
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Cty TNHH Cát Nhật Minh.	41
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CÁT NHẬT MINH.....	54
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh.....	54
3.1.1. Ưu điểm.....	54
3.1.2. Hạn chế.....	55
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán	56
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh.....	57
KẾT LUẬN	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO	71

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
HĐ	Hóa đơn
GTGT	Giá trị gia tăng
PT	Phiếu thu
PC	Phiếu chi
TK	Tài khoản
TK ĐƯ	Tài khoản đối ứng
SH	Số hiệu
NT	Ngày tháng
BN	Báo nợ
BC	Báo có

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Biểu số 2.1. HĐ GTGT 371	31
Biểu số 2.2. Phiếu thu số 095.....	32
Biểu số 2.3. HĐ GTGT 372	33
Biểu số 2.4. Giấy báo có ngân hàng số 222	34
Biểu số 2.5. Trích Nhật Ký Chung.....	35
Biểu số 2.6. Trích sổ cái TK 131 năm 2023	36
Biểu số 2.7. Trích sổ chi tiết phải thu của khách hàng - CÔNG TY CỔ PHẦN DA GIÀY VÀ PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG.....	37
Biểu số 2.8. Trích sổ chi tiết phải thu của khách hàng - CÔNG TY TNHH SAMIL HÀ NỘI VINA.....	38
Biểu số 2.9. Trích sổ chi tiết phải thu của khách hàng - CÔNG TY TNHH FREEDOM FOOTWEAR VINA	39
Biểu số 2.10. Trích bảng tổng hợp phải thu của khách hàng.....	40
Biểu số 2.11. HĐ GTGT số 374.....	43
Biểu số 2.12. Phiếu chi số 272	44
Biểu số 2.13. Ủy nhiệm chi.....	45
Biểu số 2.14. Giấy báo nợ của ngân hàng.....	46
Biểu số 2.15. HĐ GTGT số 871899.....	47
Biểu số 2.16. Trích Nhật Ký Chung.....	48
Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK 331 năm 2023	49
Biểu số 2.18. Trích sổ chi tiết - CÔNG TY TNHH BÔNG KỲ PHONG	50
Biểu số 2.19. Trích sổ chi tiết - CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG PHÁT	51
Biểu số 2.20. Trích sổ chi tiết - CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III - TNHH MỘT THÀNH VIÊN	52
Biểu số 2.21. Trích bảng tổng hợp phải trả người bán.....	53

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Kế toán các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến thanh toán với người mua trong DN theo TT 133/2016/TT-BTC	8
Sơ đồ 1.2. Kế toán các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến thanh toán với người bán trong DN theo TT 133/2016/TT-BTC	11
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung	16
Sơ đồ 1.4. Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.....	18
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	20
Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Kế toán máy	22
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	25
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty	27

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, các doanh nghiệp kinh doanh đang đứng trước những thử thách mới. Thời đại này là thời đại thông tin và nền kinh tế là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Cùng với sự tiến bộ không ngừng và vượt bậc của khoa học kỹ thuật hiện đại và sự giao lưu văn hoá, sự hội nhập của các nước trong khu vực và chính sách mở cửa của nhà nước, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh. Ở Việt Nam, các doanh nghiệp không những đã duy trì tốt hoạt động mà nhiều doanh nghiệp còn mở rộng sản xuất, phát triển thị trường, đổi mới về mọi mặt, đặc biệt là ngày càng coi trọng và hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy quản lý. Đặc biệt, bộ máy kế toán đóng vai trò quan trọng đối với sự tồn tại cũng như phát triển của doanh nghiệp. Kế toán là một công cụ quan trọng phục vụ đắc lực cho công tác quản lý các hoạt động của doanh nghiệp, thông qua các số liệu trên sổ sách kế toán mà người quản lý có thể nắm bắt được tình hình hoạt động của doanh nghiệp như thế nào. Việc thực hiện công tác kế toán tốt hay xấu đều ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý. Đối với mỗi doanh nghiệp tính hiệu quả kinh tế, phải duy trì được nó thì các doanh nghiệp mới có thể đứng vững trên thị trường trong nước nói chung và vươn ra phát triển trên các quốc gia khác. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp cần tìm ra hướng đi thích hợp cho mình.

Sau thời gian thực tập tại công ty Cát Nhật Minh, em thấy công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động của doanh nghiệp. Cùng với sự hướng dẫn của cô giáo em đã quyết định chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Cát Nhật Minh”*** để làm đề tài khóa luận cho mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Nghiên cứu những lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Mô tả thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Cát Nhật Minh.

Đề xuất một số giải pháp giúp công ty hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán thanh toán với người mua và người bán tại công ty TNHH Cát Nhật Minh.

Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: nghiên cứu tại công ty TNHH Cát Nhật Minh.
- Về thời gian: Năm 2023.

4. Phương pháp nghiên cứu.

Các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối).

- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

5. Kết cấu của khóa luận

Khóa luận bao gồm: Lời mở đầu, nội dung nghiên cứu và kết luận.

Nội dung nghiên cứu: gồm 3 chương.

Chương 1. Lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong các doanh nghiệp.

Chương 2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Cát Nhật Minh.

Chương 3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Cát Nhật Minh.

Xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Phạm Thị Nga, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Quản lý và Công nghệ Hải Phòng, các anh chị phòng kế toán công ty TNHH Cát Nhật Minh đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Một số khái niệm cơ bản về thanh toán

1.1.1. Khái niệm thanh toán và hình thức thanh toán

Thanh toán: là sự chuyển giao các phương tiện tài chính từ một bên (người hoặc công ty, tổ chức) sang một bên khác. Thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

Hình thức thanh toán: Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền, là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán. Các hình thức cụ thể: gồm hai loại là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

a) Thanh toán bằng tiền mặt: bao gồm các loại hình thanh toán như:

+ Thanh toán bằng tiền Việt Nam,

+ Thanh toán bằng ngoại tệ các loại,

+ Thanh toán bằng hối phiếu ngân hàng và các loại giấy tờ có giá trị như tiền.... Đây là các hình thức thanh toán trực tiếp giữa hai bên. Khi nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ... thì bên mua xuất hiện tiền mặt ở quỹ để trả trực tiếp cho người bán. Hình thức thanh toán trên thực tế chỉ phù hợp với các giao dịch nhỏ và đơn giản, bởi vì các khoản mua có giá trị lớn việc thanh toán trở nên phức tạp và kém an toàn. Thông thường hình thức này được áp dụng để thanh toán cho công nhân viên, với các nhà cung cấp nhỏ, lẻ.

b) Thanh toán không bằng tiền mặt là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Các hình thức bao gồm: thanh toán bằng Séc, thanh toán bằng ủy nhiệm thu, thanh toán bằng ủy nhiệm chi, thanh toán bằng thư tín dụng-L/C.

+ Thanh toán bằng Séc: Séc là chứng từ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng tính tiền từ tài khoản của mình trả cho đơn vị có tên trên Séc. Đơn vị phát hành Séc hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng Séc. Séc chỉ phát hành khi tài khoản ở ngân hàng có số dư. Séc thanh toán gồm có Séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Séc tiền mặt và Séc định mức, ...

+ Thanh toán ủy nhiệm thu: Ủy nhiệm thu là hình thức mà chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

+ Thanh toán bằng ủy nhiệm chi: Ủy nhiệm chi là giấy ủy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước, và một số khoản thanh toán khác ..

+ Thanh toán bù trừ: Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành văn bản để làm căn cứ theo dõi.

+ Thanh toán bằng thư tín dụng-L/C: Theo hình thức này khi mua hàng, bên mua phải lập một tài khoản tín dụng ngân hàng của bên mua để đảm bảo khả năng thanh toán cho bên bán. Khi giao hàng xong, ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn bị khác địa phương, không tín nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

+ Thanh toán bằng thẻ tín dụng: Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

1.1.2. Nhiệm vụ kế toán thanh toán

- Tổ chức ghi chép nhằm theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả chi tiết theo từng đối tượng, từng khoản nợ, từng thời gian, đôn đốc việc thanh toán kịp thời tránh chiếm dụng vốn lẫn nhau.

- Đối với những khách nợ có quan hệ giao dịch mua bán thường xuyên hoặc có số nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối niên độ kế toán cần tiến hành kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn nợ. Nếu cần có thể yêu cầu khách hàng xác nhận nợ bằng văn bản.

- Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỷ luật thanh toán.

- Tổng hợp, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý để có biện pháp xử lý.

- Tổ chức hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp để phản ánh công nợ phải thu và phải trả. Đồng thời cũng cần xây dựng nguyên tắc, quy trình kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp thanh toán với người mua và người bán sao cho khoa học hợp lý, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo tuân thủ quy định và chế độ.

1.2. Nội dung tổ chức kế toán thanh toán với người mua

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

- Người mua phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

- Phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không đòi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

- Trong quan hệ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư đã giao dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

- Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ.

* Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ TK 131), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì

bên Nợ TK 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước.

- Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên có TK 131) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên có TK 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước.

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập BCTC. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

a) Chứng từ , sổ sách sử dụng.

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn GTGT) (do doanh nghiệp lập)
- Phiếu xuất kho
- Chứng từ thu tiền, phiếu thu, giấy báo có
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Sổ cái TK 131
- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 131 theo từng khách hàng.
- Bảng tổng hợp TK 131

b) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 131: Phải thu của khách hàng

Kết cấu TK 131: Phải thu của khách hàng

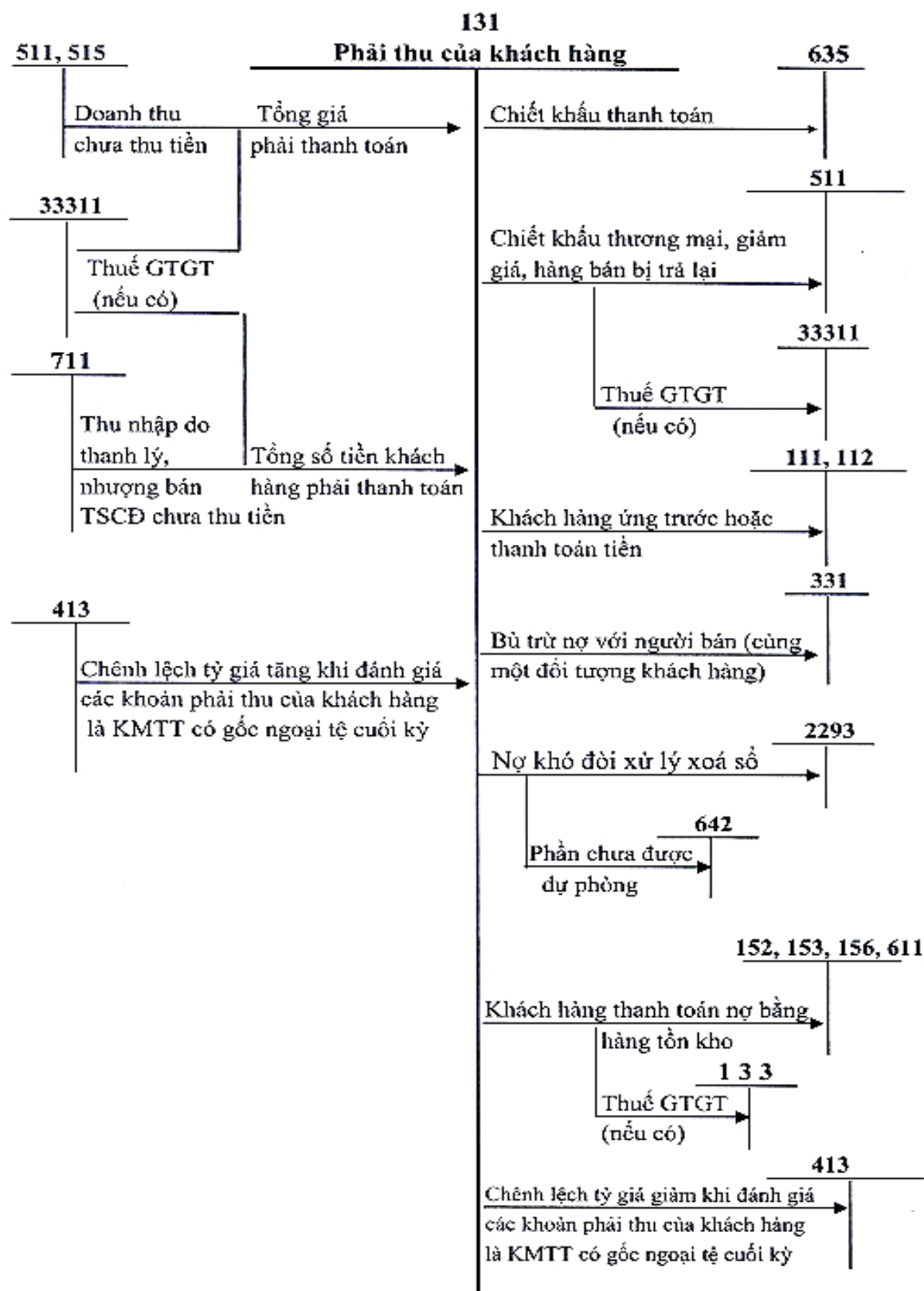
TK 131

Bên nợ	Bên có
- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính. - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng. - Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).	- Số tiền khách hàng đã trả nợ - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng. - Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại. - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT). - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua. - Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
Số dư bên nợ: - Số tiền còn phải thu của khách hàng	Số dư bên có (nếu có): - Số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

Chú ý: Khi lập bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chi tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



Sơ đồ 1.1. Kế toán các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến thanh toán với người mua trong DN theo TT 133/2016/TT-BTC

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ hoặc cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

- Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua vật tư, hàng hoá dịch vụ trả tiền ngay.

- Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo chính thức của người bán.

- Khi hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

a) Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Các chứng từ về mua hàng: Hợp đồng mua bán, hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn GTGT) do người bán lập, biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận,..

- Các chứng từ thanh toán tiền hàng: phiếu chi, giấy báo nợ, ủy nhiệm chi, séc,...

- Biên bản đối chiếu công nợ

- Sổ cái TK 331

- Sổ nhật ký chung

- Sổ chi tiết TK 331 từng nhà cung cấp

- Bảng tổng hợp TK 331

b) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 331: Phải trả cho người bán

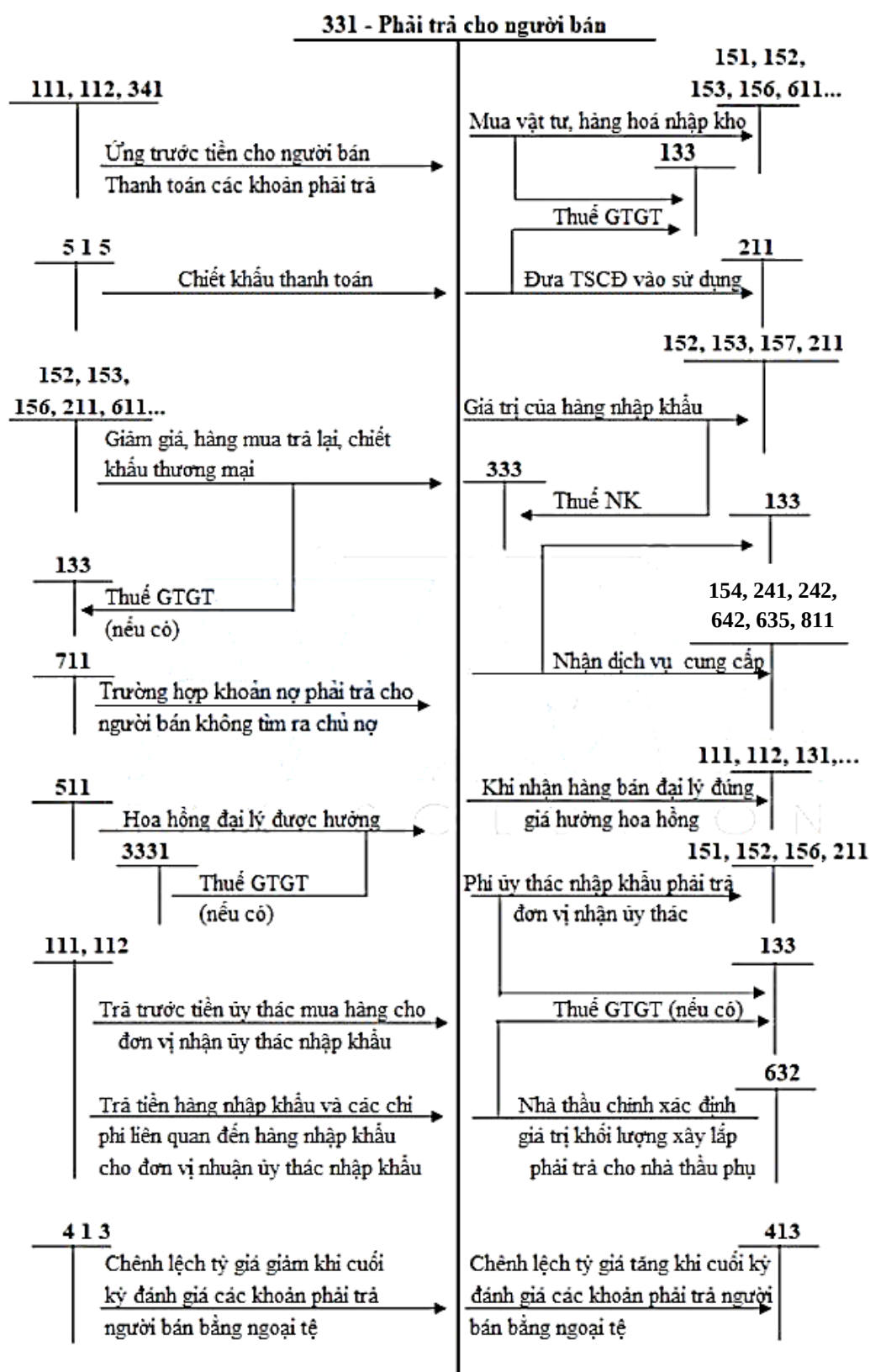
Kết cấu TK 331: Phải trả cho người bán

TK331

Bên nợ	Bên có
- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp. - Số tiền cung ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao. - Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng. - Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào các khoản nợ phải trả cho người bán. - Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).	- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp. - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư hàng hóa dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
Số dư bên Nợ (nếu có)	Số dư bên Có
Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số tiền phải trả cho người bán theo chi tiết từng đối tượng cụ thể.	Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

Chú ý: Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi hai chỉ tiêu bên “Tài sản” và “Nguồn vốn”.

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán



Sơ đồ 1.2. Kế toán các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến thanh toán với người bán trong DN theo TT 133/2016/TT-BTC

1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán

*** Tỷ giá:**

- Tỷ giá hối đoái được hiểu là giá của một đơn vị ngoại tệ tính theo đồng nội tệ. Đây chính là giá của ngoại tệ trên thị trường và được xác định dựa trên quan hệ cung cầu về ngoại tệ.

- Chênh lệch tỉ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỉ giá hối đoái khác nhau.

*** Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:**

+ Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ.

- Trong kế toán sử dụng loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi nhận nợ.

+ Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng nhà nước VN công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.

+ Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, FIFO hoặc đích danh.

+ Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.

Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 131 - Phải thu khách hàng
- TK 331 - Phải trả người bán
- TK 635 - Chi phí tài chính (Trường hợp lỗ tỷ giá)
- TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Trường hợp lãi tỷ giá)

Cuối kì hạch toán, kế toán điều chỉnh tỷ giá số dư phải thu và gốc phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

***Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua có liên quan đến ngoại tệ.**

- Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ căn cứ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh ghi:

Nợ TK 131: Tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch

Có TK 511, 711: Tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch

- Khi thu được nợ phải thu bằng ngoại tệ nợ phải thu của khách hàng:

Trường hợp bên Có các tài khoản phải thu áp dụng tỷ giá ghi sổ để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 111, 112: Tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch

Nợ 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Khi thu các khoản nợ phải thu:

Nợ TK 111, 112: Theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ

Có TK 131: Theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ

Ghi nhận phần chênh lệch tỷ giá: Việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời tại thời điểm thu nợ hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh của DN:

- + Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 131

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

****Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán có liên quan đến ngoại tệ.***

- Khi mua vật tư hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ nhà cung cấp chưa thanh toán tiền bằng ngoại tệ, căn cứ vào tỷ giá giao dịch tại ngày giao dịch

Nợ TK 111, 112, 153, 156, 211, 642

Có TK 331: Phải trả người bán

- Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ:

- Trường hợp bên Nợ các TK phải trả và bên Có các TK tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 331: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635: Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111, 112 (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

- Trường hợp bên Nợ các TK phải trả và bên Có các TK tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

+ Khi thanh toán nợ phải trả:

Nợ TK 331

Có TK 111, 112

+ Ghi nhận chênh lệch tỷ giá: việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời khi thanh toán nợ phải trả hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý của DN:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 331

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 331

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

1.5. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.5.1. Theo Hình thức Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký chung, mà trọng tâm là Sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của cả nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

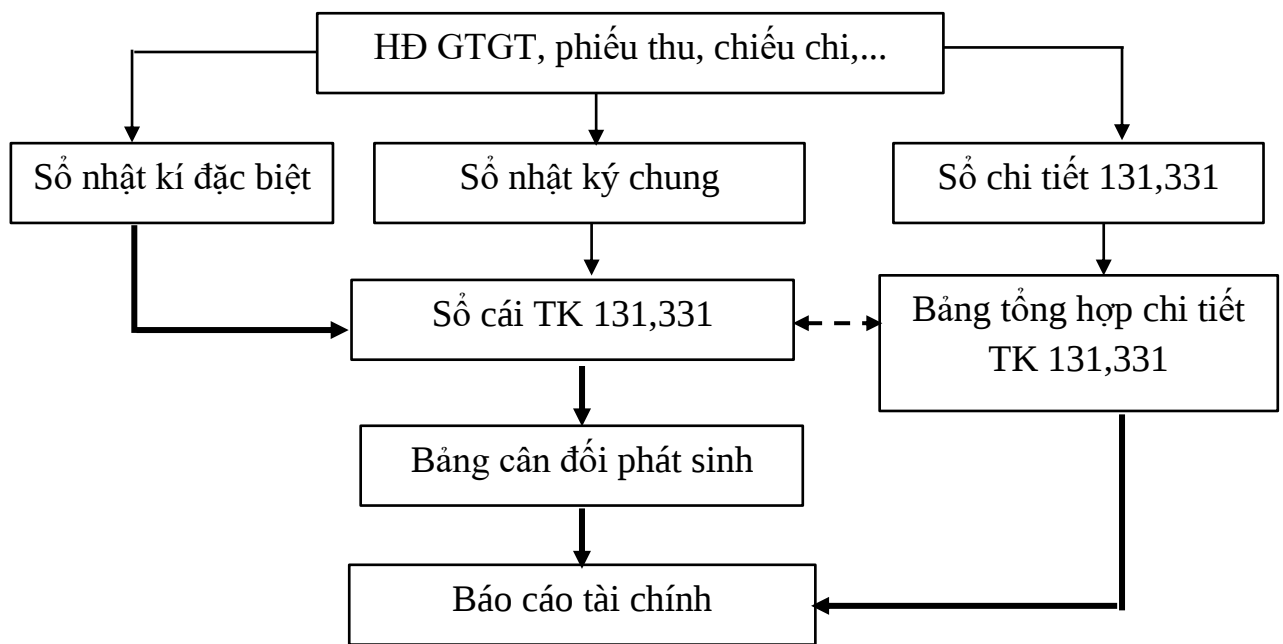
Ưu điểm:

- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán.
- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán.
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên sổ Nhật ký chung.

Cung cấp thông tin kịp thời.

Nhược điểm:

- Lượng ghi chép nhiều.
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————→
 Ghi định kỳ —————→
 Kiểm tra đối chiếu ←-----→

Sơ đồ 1.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật Ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản phù hợp.
- Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật Ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ hoặc cuối tháng, tùy khối lượng các tài khoản phù hợp trên sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.
- Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh bên Nợ và Tổng số phát sinh bên Có trên Bảng cân đối phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh bên Nợ và Tổng số phát sinh bên Có trên Nhật ký chung cùng kỳ.

1.5.2. Theo Hình thức Nhật ký - sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Sổ sách chủ yếu:

- + Nhật ký - Sổ cái;

- + Các sổ, thẻ chi tiết.

- Ưu điểm:

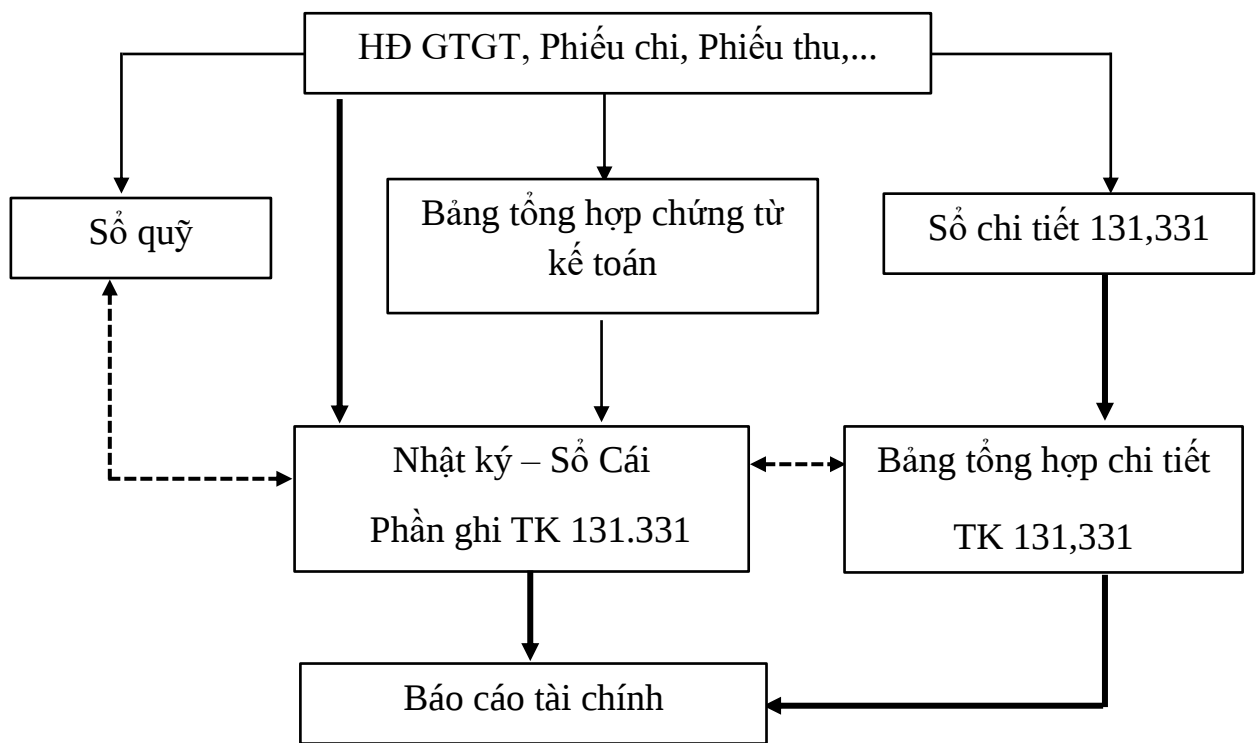
- + Số lượng ít, mẫu số đơn giản dễ ghi chép. Nhật ký chung Sổ cái tài khoản 131, 331... Cân đối số phát sinh Báo cáo tài chính Chứng từ kế toán (Hóa đơn GTGT, phiếu chi... Bảng tổng hợp chi tiết 131, 331; Sổ chi tiết 131, 331; Sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có)

- + Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký - Sổ cái.

- Nhược điểm:

- + Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán

- + Khó thực hiện đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn phát sinh nhiều tài khoản.



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————→
 Ghi định kỳ —————→
 Kiểm tra đối chiếu <----->

Sơ đồ 1.4. Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại Nhật ký - Sổ cái Báo cáo tài chính Chứng từ kế toán (Hóa đơn GTGT, phiếu chi... Bảng tổng hợp chi tiết 131, 331; Sổ chi tiết 131, 331; Sổ quỹ mỗi chứng từ được ghi trên một dòng của cả hai phần Nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

- Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký - Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Công việc cuối tháng:

+ Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán trong tháng vào sổ Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột nợ, cột có trong từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng khoản trên Nhật ký - Sổ cái.

1.5.3. Theo Hình thức Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;

Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sổ kế toán:

- Chứng từ ghi sổ;

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;

- Sổ cái;

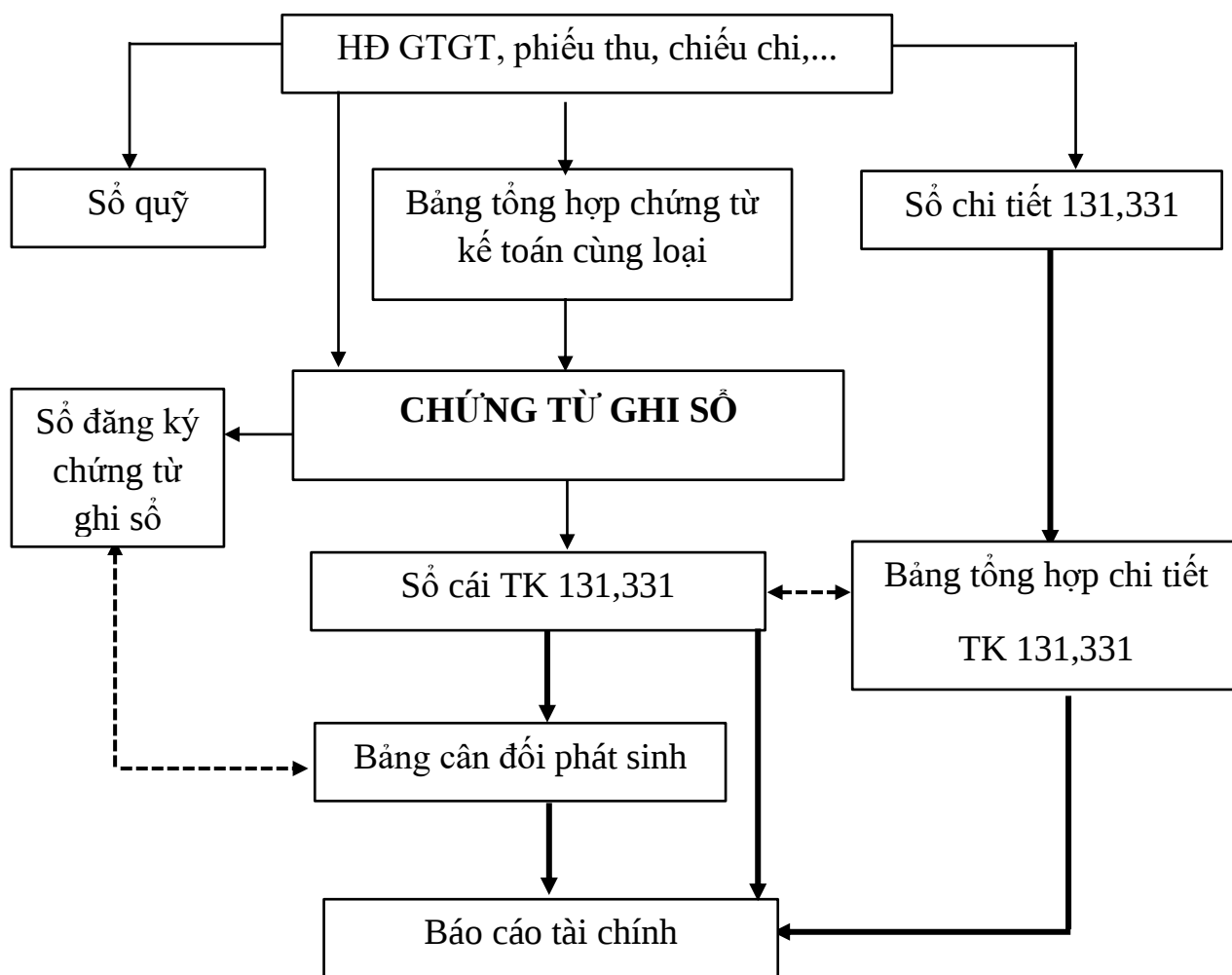
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;

Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

Nhược điểm:

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.

- Việc thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện cuối tháng vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.



Ghi chú: Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
 Ghi định kỳ $\longrightarrow$
 Kiểm tra đối chiếu $\longleftrightarrow$

Sơ đồ 1.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

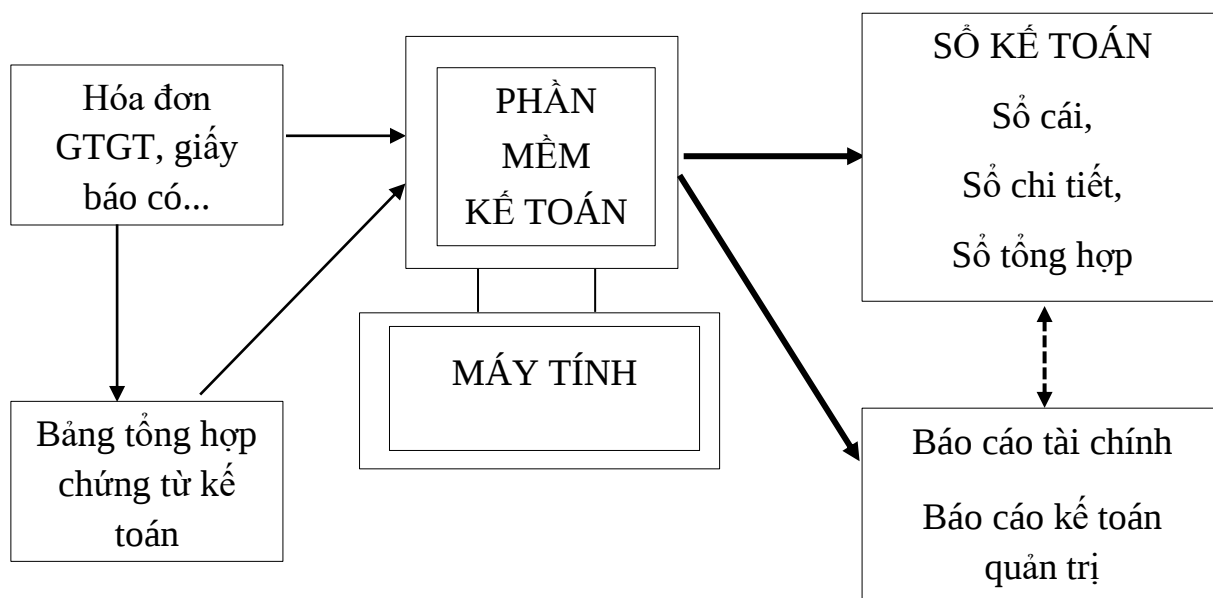
- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại chứng từ ghi sổ, Báo cáo tài chính Chứng từ kế toán (Hóa đơn GTGT, phiếu chi... Bảng tổng hợp chi tiết 131, 331) Sổ chi tiết 131, 331; Sổ quỹ; Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ; Sổ cái TK131,331... Bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối sổ phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối sổ phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối sổ phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối sổ phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.5.4. Theo Hình thức Kế toán máy

- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú: Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
 Ghi định kỳ $\longrightarrow$
 Kiểm tra đối chiếu $\longleftrightarrow$

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Kế toán máy

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CÁT NHẬT MINH

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Cát Nhật Minh

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Cát Nhật Minh.

- Công ty TNHH Cát Nhật Minh được thành lập tháng 09/2013, là một doanh nghiệp kinh doanh sản xuất và vận tải đường bộ. Với kinh nghiệm và uy tín của mình công ty đã không ngừng nỗ lực mang đến những sản phẩm chất lượng cao, giá thành hợp lý nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất.

- Tên công ty: Công ty TNHH Cát Nhật Minh

- Tên quốc tế: CAT NHAT MINH COMPANY LIMITED

- Tên viết tắt: CAT NHAT MINH.,LTD

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Tên Giám đốc: Lê Thị Huyền

- Mã số thuế: 0201312055

- Số điện thoại: 02253779968

- Quản lý bởi: Huyện An Lão - Đội Thuế liên huyện Kiến An - An Lão

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài Nhà nước

- Là một doanh nghiệp có đầy đủ tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Công ty TNHH và Luật doanh nghiệp.

- Công ty đã xây dựng cho mình chiến lược kinh doanh riêng với phương châm “Chất lượng - Giá thành - Tiến độ”, công ty đã không ngừng tìm kiếm thị trường, đổi mới, cải tiến quản lý, xác định không đầu tư giàn trải, mà tập trung đầu tư vào sản phẩm có thể tiêu thụ nhanh, quay vòng vốn nhanh.

- Trải qua hơn 11 năm hoạt động, nhờ có chiến lược kinh doanh đúng đắn, nâng cao chất lượng sản phẩm, Công ty TNHH Cát Nhật Minh đã từng bước tạo được chỗ đứng trên thị trường, khẳng định vị thế của mình trên địa bàn.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ

- Công ty TNHH Cát Nhật Minh là một công ty có tư cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng và nhiệm vụ như sau:

Xây dựng, tổ chức và thực hiện các mục tiêu kế hoạch do nhà nước đề ra, sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng kí, đúng mục đích thành lập của doanh nghiệp gồm:

- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ (Ngành nghề chính)
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm
- Sản xuất giày dép
- Sản xuất bao bì bằng gỗ
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
- Sản xuất sản phẩm từ plastic
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng
- Sản xuất nút xốp, đế giày, bồi dán

.....

Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh với đối tác.

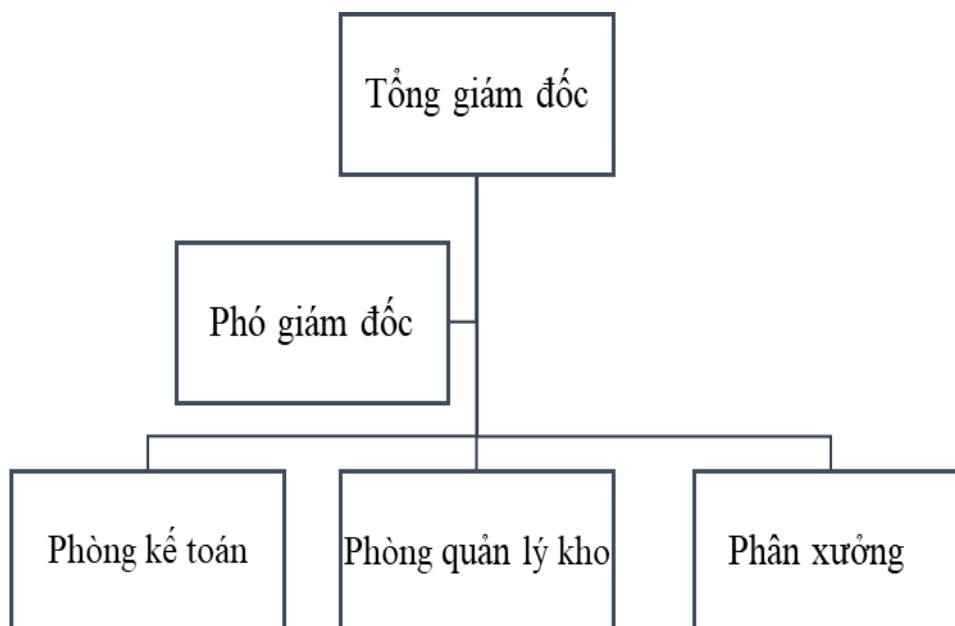
Quản lý và sử dụng vốn theo đúng quy định và đảm bảo có lãi.

Thực hiện việc nghiên cứu phát triển nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập của người lao động, nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường.

Chịu sự kiểm soát và thanh tra của các cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Thực hiện những quy định của nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, vệ sinh và an toàn lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững, thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng cũng như những quy định có liên quan tới hoạt động của công ty.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

- **Tổng giám đốc:** Người thực hiện chức năng quản lý, giám sát, hoạch định chiến lược và điều hành chung mọi hoạt động của công ty. Là người chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, công tác tài chính kế toán, công tác xây dựng cơ bản, công tác xây dựng kế hoạch phát triển Công ty.

- **Phó giám đốc:** Quản lý các khâu sản xuất và hoạt động kinh doanh của công ty. Thực hiện quản lý nhân sự trong phòng ban của mình. Phối hợp với giám đốc để thiết lập những quy chế, quy định phù hợp với giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Quản lý ngân sách và dòng tiền cho các kế hoạch kinh doanh, sản xuất, nhân sự.

- **Phòng kế toán:** thực hiện và theo dõi các công việc về tài chính - kế toán của công ty.

Thực hiện các công việc thuộc vấn đề liên quan đến tài chính, vốn, tài sản, các nghiệp vụ phát sinh trong ngày, trong kỳ kinh doanh, phải lập các bảng thanh quyết toán, công khai toàn bộ tài sản, công nợ, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ.

Giúp đỡ giám đốc trong việc đề ra kế hoạch sản xuất, kinh doanh như: doanh thu, chi phí, tiền lương, lao động, thuế...

Theo dõi tình hình thị trường, thu thập thông tin và báo cáo cho Ban giám đốc để có biện pháp xử lý kịp thời.

Lập kế hoạch sử dụng vốn, biện pháp tạo nguồn vốn để phục vụ quá trình sản xuất, kinh doanh, xác định hiệu quả của một đồng vốn đưa vào sản xuất, kinh doanh, tính toán hiệu quả kinh tế cho công ty.

Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định của luật và chế độ, chuẩn mực kế toán, trích nộp đầy đủ đối với ngân sách Nhà nước.

- **Phòng quản lý kho:** Giám sát mọi hoạt động mua bán của Công ty, ghi chép đầy đủ số liệu hàng hóa nhập xuất tồn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi chép sổ sách, chứng từ của phòng kế toán.

- Các cấp lãnh đạo phòng ban và phân xưởng có nhiệm vụ phân công lao động và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực được giao vào chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động trước giám đốc Công ty.

2.1.4. Thành tích cơ bản đạt được của công ty TNHH Cát Nhật Minh

Trong quá trình hoạt động công ty đã có những thuận lợi nhất định để phát triển, nhưng bên cạnh đó cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình hoạt động.

a) Thuận lợi

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển, mức sống của người dân không ngừng được tăng cao cùng với những nhu cầu ngày càng đa dạng là những thuận lợi không chỉ cho công ty mà còn cho các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước khác.

Đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, có chuyên môn tay nghề cao, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc.

Bên cạnh đó, công ty cũng được cung cấp trang thiết bị hiện đại, văn phòng được trang bị đầy đủ các máy móc đầy đủ để tạo điều kiện cho nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ và công việc được giao.

b) Khó khăn.

Không nắm bắt kịp thời doanh thu bán hàng theo từng nhóm hàng, mặt hàng, thị trường dẫn đến không biết mặt hàng nào, thị trường nào đang kinh doanh tốt, mặt hàng, thị trường nào kém để có kế hoạch sản xuất và thực hiện chính sách bán hàng phù hợp dẫn đến giảm hiệu quả kinh doanh:

Thứ nhất, việc không kiểm soát được doanh thu nhanh chóng là sai sót thường gặp của chủ doanh nghiệp, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến cách thức bán hàng, công việc kinh doanh dẫn đến hiệu quả kinh doanh bị giảm sút.

Thứ hai, khó kiểm soát được tình hình thực hiện đơn đặt hàng hoặc hợp đồng để đốc thúc sản xuất dẫn đến trễ tiến độ giao hàng, ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp.

Thứ ba, không quản lý được mức tồn kho tối thiểu để lên kế hoạch nhập vật tư kịp thời, đặc biệt là các loại vật tư không có sẵn dẫn đến đình trệ sản xuất.

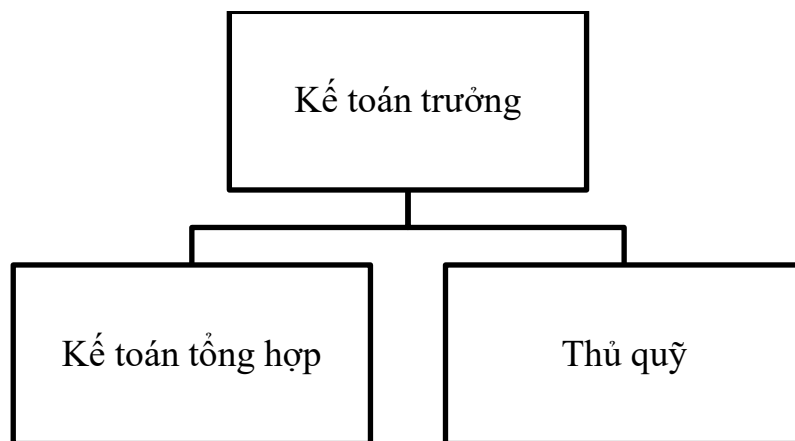
Thứ tư, khó khăn trong việc nắm bắt kịp thời doanh thu theo từng NVKD để có chính sách khen thưởng động viên kịp thời dẫn đến làm giảm hiệu quả kinh doanh.

Trong tình hình nền kinh tế không ngừng vận động và phát triển, có rất nhiều công ty đầu tư vào ngành dịch vụ vận tải và sản xuất. Đây cũng là một thách thức lớn với công ty trước những đối thủ cạnh tranh trong việc chiếm lấy ưu thế hàng đầu trong việc chiếm lấy thị trường.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh

Phòng kế toán có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về mặt tài chính. Điều này giúp cho doanh nghiệp xem xét, điều chỉnh nguồn tài chính của công ty cho phù hợp. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Ta có mô hình kế toán trong doanh nghiệp như sau:



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

- **Kế toán trưởng:** là người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm về tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty, đơn thúc giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

- **Kế toán tổng hợp:** có nhiệm vụ ghi chép, phản ánh một cách tổng quát sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính theo các chỉ tiêu giá trị của doanh nghiệp sau đó báo cáo các thông tin đó cho những người ra quyết định trong công ty.

- **Thủ quỹ:** chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt. Kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tiền, quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ, số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền của công ty.

2.1.6. Chế độ kế toán áp dụng tại đơn vị

- Các chính sách kế toán của công ty TNHH Cát Nhật Minh:

Công ty áp dụng đầy đủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán: công ty vận dụng theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

- Hình thức kế toán tại công ty:

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung.

Phương pháp sử dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

Tính giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty sử dụng tiền Việt Nam Đồng là loại tiền chính trong hệ thống kế toán. Việc hoán đổi từ ngoại tệ sang tiền Việt Nam Đồng hoặc ngược lại sẽ dựa theo tỷ giá công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào thời điểm phát sinh giao dịch.

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Cát Nhật Minh

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh

Đặc điểm về đối tượng thanh toán tại công ty.

Về nhà cung cấp: là các nhà cung cấp đáng tin cậy trên thị trường, thường thì là các công ty cung cấp xăng dầu uy tín, cung cấp nguyên vật liệu và các đối tác cùng hợp tác lâu dài.

Về khách hàng: là các công ty hoạt động lĩnh vực kinh doanh buôn bán, các công ty logistic, công ty vận tải khác,...

Các phương thức thanh toán

Phương thức thanh toán bao gồm: thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

Hình thức thanh toán: Gồm 2 loại cơ bản thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt như chuyển khoản để thanh toán với khách hàng thông qua giao dịch tại ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh

2.2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

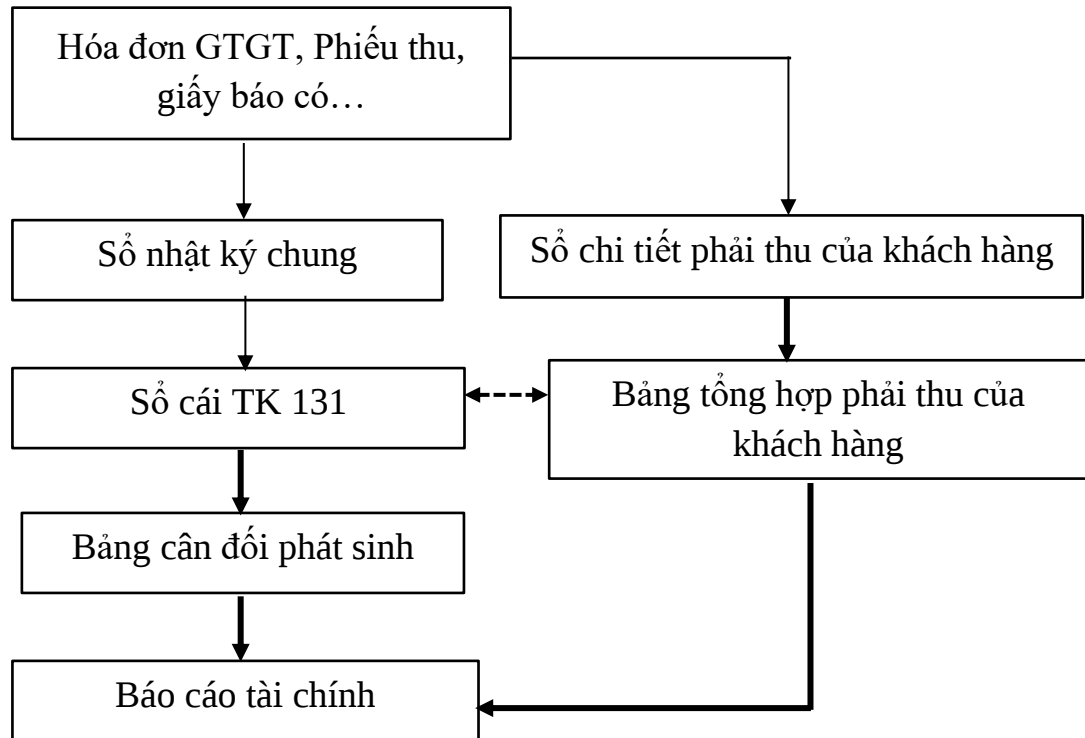
a. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng dịch vụ
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu.....

b. Tài khoản sử dụng: TK 131- Phải thu của khách hàng.

c. Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 131, sổ chi tiết phải thu khách hàng, bảng tổng hợp phải thu của khách hàng.

2.2.2.2. Quy trình hạch toán



Ghi chú: Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
Ghi định kỳ $\longrightarrow$
Kiểm tra đối chiếu $\longleftrightarrow$

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải thu của khách hàng. Sau đó từ sổ Nhật ký chung, vào sổ cái TK 131. Cuối kỳ từ sổ chi tiết phải thu Khách hàng lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng. Đồng thời kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 131 với bảng tổng hợp phải thu của khách hàng.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái TK 131 với bảng tổng hợp phải thu của khách hàng, cuối kỳ tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh.

Ví dụ 01: Ngày 27/12/2023, Vận chuyển hàng hóa thuê cho Công ty Cổ phần Da giày và Phát triển Hải Phòng chưa thu tiền: 370.370 đồng (chưa VAT: 8%)
Định khoản: Nợ TK 131 : 400.000

Có TK 5112: 370.370

Có TK 3331: 29.630

Biểu số 2.1. HĐ GTGT 371

HÓA ĐƠN		Kí hiệu: 1C23TNM			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Số: 371			
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)					
Ngày 27 tháng 12 năm 2023					
Mã của cơ quan thuế: 0022B88428BD7649FF8B3AC09EEFC68EEB					
Người bán hàng: Công ty TNHH Cát Nhật Minh					
MST: 0201312055					
Địa chỉ: Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại: 02253779968					
Số tài khoản: 1011309278 Tại: Ngân hàng SHB - PGD Kiến An - CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN DA GIÀY VÀ PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG					
Địa chỉ: Số 276 Hàng Kênh, Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Số TK:					
Hình thức thanh toán: TM/CK		Mã số thuế: 0200157992			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước vận chuyển từ Lê Lai đến Cảng Hải Phòng	Chuyến	1	370.370	370.370
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ :					370.370
Thuế suất GTGT: 8%			Tiền thuế giá trị gia tăng :		29.630
Tổng cộng tiền thanh toán:					400.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm nghìn đồng.</i>					
Người mua hàng (Chữ kí điện tử, Chữ ký số)			Người bán hàng (Chữ kí điện tử, Chữ ký số)		
Ký bởi CÔNG TY TNHH CÁT NHẬT MINH					
Ký ngày: 27/12/2023 22:14:32					
Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.vn Mã tra cứu: 6DA8B0CA77A8B891					

Ví dụ 2: Ngày 27/12/2023, Công ty Cổ phần Da giày và Phát triển Hải Phòng thanh toán tiền hàng HĐ371

Định khoản: Nợ TK 1111: 400.000

Có TK 131: 400.000

Biểu số 2.2. PT095

Công ty TNHH Cát Nhật Minh		Mẫu số 01-TT		
Thôn Quán Bể (tại nhà Bà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng		(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)		
PHIẾU THU		Quyển số:		
Ngày 27 tháng 12 năm 2023		Số: 095		
		Nợ 1111: 400.000		
		Có 131: 400.000		
Họ và tên người nộp tiền: Công ty Cổ phần Da giày và Phát triển Hải Phòng				
Địa chỉ: Số 276 Hàng Kênh, Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam				
Lý do nộp: Công ty Cổ phần Da giày và Phát triển Hải Phòng thanh toán tiền hàng theo HĐ số 371				
Số tiền: 400.000 đồng (viết bằng chữ): Bốn trăm nghìn đồng chẵn.				
Kèm theo: Chứng từ gốc.				
Ngày 27 tháng 12 năm 2023				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nộp tiền
(Ký, họ tên đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn trăm nghìn đồng chẵn.				
- Tỷ giá ngoại tệ:				
- Số tiền quy đổi:				
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)				

Ví dụ 3: Ngày 28/12/2023, Gia công bồi dán vải, eva, mút sốp cho công ty TNHH SAMIL Hà Nội Vina chưa thu tiền: 14.053.469 đồng (chưa VAT).

Định khoản: Nợ TK 131: 15.177.747

Có TK 5113: 14.053.469

Có TK 3331: 1.124.278

Biểu số 2.3. HĐ GTGT 372

HÓA ĐƠN		Kí hiệu: 1C23TNM			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Số: 372			
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)					
Ngày 28 tháng 12 năm 2023					
Mã của cơ quan thuế: 00D189818C42064905A95A23CE6B47A067					
Người bán hàng: Công ty TNHH Cát Nhật Minh					
MST: 0201312055					
Địa chỉ: Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại: 02253779968					
Số tài khoản: 1011309278 Tại: Ngân hàng SHB - PGD Kiến An - CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH SAMIL HÀ NỘI VINA					
Địa chỉ: Km 52, Quốc lộ 5A, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam					
Hình thức thanh toán: TM/CK Mã số thuế: 000288725					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Gia công vải HM bồi nút xóp bồi tricot khổ 54*	Yard	86	8.812	757.832
2	Gia công vải Nylon đen mỏng bồi nút xóp bồi tricot khổ 54*	Yard	92	12.244	1.126.448
3	Gia công vải HN bồi nút xóp bồi tricot khổ 54*	Yard	9	13.009	117.081
4	Gia công vải bồi nút xóp bồi tricot khổ 54*	Yard	8	16.701	133.608
5	Gia công vải 100g bồi nút xóp bồi tự dính khổ 54*	Yard	605	19.700	11.918.500
Cộng tiền hàng hóa,dịch vụ:					14.053.469
Thuế suất GTGT: 8%		Tiền thuế giá trị gia tăng :			1.124.278
Tổng cộng tiền thanh toán:					15.177.747
Số tiền viết bằng chữ: Mười lăm triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng.					
Người mua hàng (Chữ kí điện tử, Chữ ký số)			Người bán hàng (Chữ kí điện tử, Chữ ký số)		
			Ký bởi CÔNG TY TNHH CÁT NHẬT MINH Ký ngày: 28/12/2023 16:50:17		
Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuhoadon.minvoice.vn Mã tra cứu: 65CC71789574A10E					

Ví dụ 4: Ngày 29/12/2023 Công ty Giày Freedom thanh toán tiền hàng 223.091.111 đồng

Định khoản: Nợ TK 11213: 223.091.111

Có TK 131: 223.091.111

Biểu số 2.4. Giấy báo có số 222

 ĐỐI TÁC TIN CẬY, GIẢI PHÁP PHÙ HỢP	GIẤY BÁO CÓ Ngày 29/12/2023	Mã: Mã KH: Số GD: 222												
Ngân hàng SHB Chi nhánh: Hải Phòng														
Kính gửi : Công ty TNHH Cát Nhật Minh Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam														
Mã số thuế: 0201312055 Số tài khoản : 1011309278 Tên tài khoản : Công ty TNHH Cát Nhật Minh														
Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo : Hôm nay tài khoản của quý khách đã được ghi có số tiền như sau:														
<table><thead><tr><th>Diễn Giải</th><th>Số tiền</th></tr></thead><tbody><tr><td>Số tham chiếu:</td><td></td></tr><tr><td>Số lệnh:</td><td>223.091.111</td></tr><tr><td>Số tiền chuyển: VND 223.091.111</td><td>(Hai trăm hai mươi ba triệu không trăm</td></tr><tr><td>Số tiền ghi có: VND 223.091.111</td><td>chín mươi một nghìn một trăm mười</td></tr><tr><td>Nội dung: Công ty Freedom thanh toán tiền hàng.</td><td>một đồng)</td></tr></tbody></table>	Diễn Giải	Số tiền	Số tham chiếu:		Số lệnh:	223.091.111	Số tiền chuyển: VND 223.091.111	(Hai trăm hai mươi ba triệu không trăm	Số tiền ghi có: VND 223.091.111	chín mươi một nghìn một trăm mười	Nội dung: Công ty Freedom thanh toán tiền hàng.	một đồng)		
Diễn Giải	Số tiền													
Số tham chiếu:														
Số lệnh:	223.091.111													
Số tiền chuyển: VND 223.091.111	(Hai trăm hai mươi ba triệu không trăm													
Số tiền ghi có: VND 223.091.111	chín mươi một nghìn một trăm mười													
Nội dung: Công ty Freedom thanh toán tiền hàng.	một đồng)													
Người lập	Người kiểm soát													

Biểu số 2.5. Trích Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH Cát Nhật Minh

Mẫu số S03a -DNN

Địa chỉ : Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền),

(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC

Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....					
HĐ371	27/12	Cước vận chuyển từ Lê Lai đến Cảng Hải Phòng	131	400.000	
			5112		370.370
			3331		29.630
PT095	27/12	Thanh toán tiền vận chuyển theo hóa đơn số 371	1111	400.000	
			131		400.000
HĐ372	28/12	Gia công bồi dán vải, eva, mút sốp cho công ty TNHH SAMIL Hà Nội Vina	131	15.177.747	
			5113		14.053.469
			3331		1.124.278
.....					
BC222	29/12	Công ty Freedom thanh toán tiền hàng	11213	223.091.111	
			131		223.091.111
.....					
		Cộng phát sinh		231.980.286.793	231.980.286.793

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6. Trích sổ cái TK 131 năm 2023**Đơn vị: Công ty TNHH Cát Nhật Minh****Mẫu số S03b -DNN****Địa chỉ:** Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền),

(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC ngày

Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng

26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI

(dùng cho hình thức Sổ nhật ký chung)

Năm 2023

Số hiệu tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đôi ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>8.213.597.574</u>	
....						
27/12	HĐ371	27/12	Cước vận chuyển từ Lê Lai đến Cảng Hải Phòng	5112	370.370	
			Thuế GTGT	3331	29.630	
27/12	PT095	27/12	Thanh toán tiền vận chuyển theo hóa đơn số 371	1111		400.000
28/12	HĐ372	28/12	Gia công bồi dán vải, eva, mút sộp cho công ty TNHH SAMIL Hà Nội Vina	5113	14.053.469	
			Thuế GTGT	3331	1.124.278	
.....	...			...		
29/12	BC222	29/12	Công ty Freedom thanh toán tiền hàng	11213		223.091.111
....	...					
			Cộng số phát sinh		26.978.500.071	27.660.585.499
			<u>Số dư cuối kỳ</u>		<u>7.531.512.146</u>	

Sổ này mở gồm 20 trang, đánh số từ 01 đến 20.

Ngày mở sổ: 01/01/2023.

Ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.7. Trích sổ chi tiết phải thu của khách hàng - CÔNG TY CỔ PHẦN
DA GIẦY VÀ PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG**

Đơn vị: Công ty TNHH Cát Nhật Minh

Mẫu số S12 -DNN

Địa chỉ: Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền),

(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC

Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

TÀI KHOẢN: 131

ĐỐI TƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN DA GIẦY VÀ PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG

Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kì</u>				-	
...	...	...	...	...	...		...	
27/12	HĐ371	27/12	Cước vận chuyển từ Lê Lai đến Cảng Hải Phòng	5112	370.370			
				3331	29.630		400.000	
27/12	PT095	27/12	Thanh toán tiền vận chuyển theo hđ số 371	1111		400.000	0	
...	...	...	...	...	...		...	
			Cộng phát sinh		6.200.000	6.200.000		
			<u>Số dư cuối kì</u>				-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng
dấu)

Biểu số 2.8. Trích sổ chi tiết phải thu của khách hàng - CÔNG TY TNHH**SAMIL HÀ NỘI VINA****Đơn vị: Công ty TNHH Cát Nhật Minh****Mẫu số S12 -DNN****Địa chỉ:** Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền),
Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng.(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016 của BTC)**SỔ CHI TIẾT PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG****TÀI KHOẢN: 131****ĐỐI TƯỢNG: CÔNG TY TNHH SAMIL HÀ NỘI VINA****Năm 2023**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				<u>301.741.287</u>	
...	...	...	...	...	...		...	
28/12	HĐ372	28/12	Gia công bồi dán vải, eva, mút xốp	3331	1.124.278		143.369.930	
				5113	14.053.469		157.423.399	
			Cộng phát sinh		1.113.337.127	1.257.655.015		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				<u>157.423.399</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9. Trích sổ chi tiết phải thu của khách hàng - CÔNG TY TNHH**FREEDOM FOOTWEAR VINA****Đơn vị: Công ty TNHH Cát Nhật Minh****Mẫu số S12 -DNN****Địa chỉ:** Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền),

(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC

Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**TÀI KHOẢN: 131****ĐỐI TƯỢNG: CÔNG TY TNHH FREEDOM FOOTWEAR VINA****Năm 2023**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kì</u>				<u>1.105.572.135</u>	
...	...	...	...	...	...		...	
29/12	BC222	29/12	Công ty Freedom thanh toán tiền hàng	11213		223.091.111		
...	...	...	...	...	...		...	
			Cộng phát sinh		9.353.448.348	10.252.880.082		
			<u>Số dư cuối kì</u>				<u>206.140.401</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10. Trích bảng tổng hợp phải thu của khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Cát Nhật Minh

Địa chỉ: Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
....							
DUNGHUONG	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Dũng Hùng			292.402.757	156.457.055	135.945.702	
GIAYHD	Công Ty Cổ Phần Giày Hải Dương	333.187.696		1.307.674.023	1.140.379.926	500.481.793	
GIAYHP	Công Ty Cổ Phần Da Giày Và Phát Triển Hải Phòng			6.200.000	6.200.000	-	
GIAYEVER	Công ty TNHH Giày Evergreen	840.411.901		2.912.509.180	3.557.063.081	195.858.000	
SAMIL	Công Ty TNHH Samil Hà Nội Vina	301.741.287		1.113.337.127	1.257.655.015	157.423.399	
FREEDOM	Công Ty TNHH Freedom Footwear Vina	1.105.572.135		9.353.448.348	10.252.880.082	206.140.401	
.....							
	Cộng	8.213.597.574		26.978.500.071	27.660.585.499	7.531.512.146	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Cty TNHH Cát Nhật Minh.

2.2.3.1. Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng

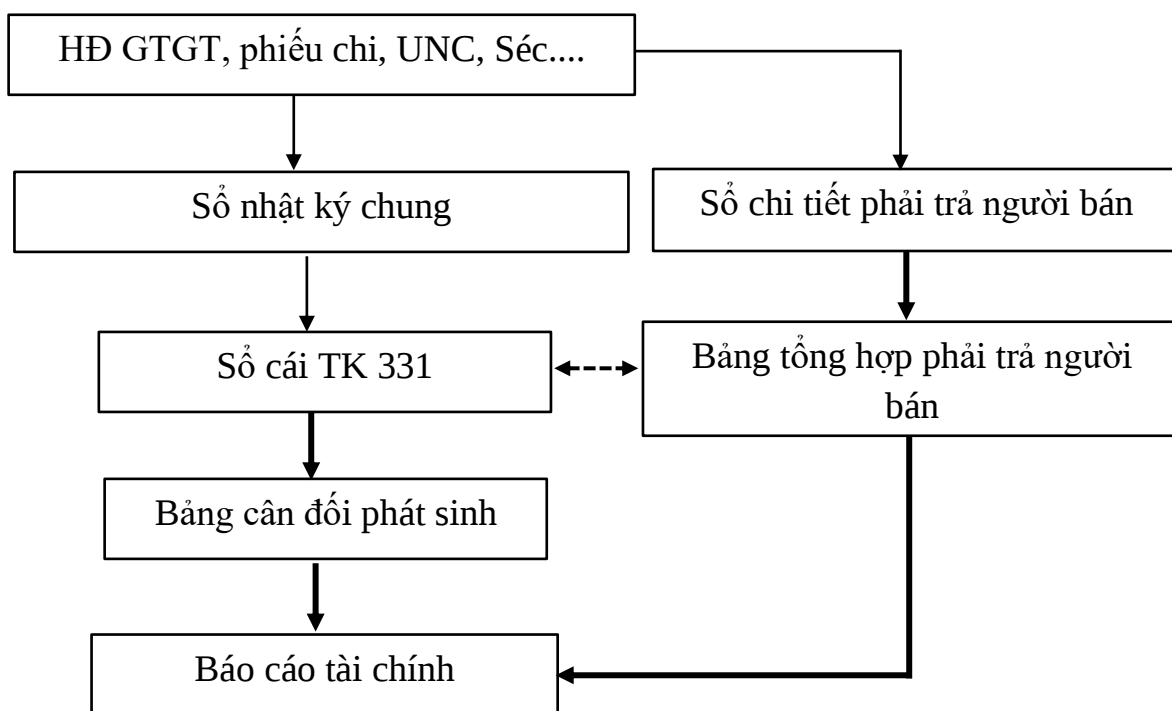
a) Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Ủy nhiệm chi

b) Tài khoản sử dụng: TK 331 - Phải trả người bán.

c) Sổ sách sử dụng: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 331, Sổ chi tiết phải trả người bán, Bảng tổng hợp phải trả người bán.

2.2.3.2. Quy trình hạch toán



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————→
Ghi định kỳ —————→
Kiểm tra đối chiếu <----->

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải trả người bán. Sau đó từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi chép vào sổ cái TK 131. Cuối kỳ từ sổ chi tiết phải trả người bán lập bảng tổng hợp

phải trả người bán. Đồng thời kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 331 với bảng tổng hợp phải trả người bán.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái TK 331 và bảng tổng hợp phải trả người bán, cuối kỳ tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ số liệu trên sổ cái TK 331, bảng tổng hợp trả người bán và bảng cân đối phát sinh để lập các báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 26/12 công ty mua thùng carton của Công Ty TNHH Bông Kỳ Phong số lượng 10.000 mét với đơn giá 1.200đ/mét (chưa thuế GTGT)

Định khoản: Nợ TK 152: 12.000.000

Nợ TK 1331: 960.000

Có TK 331: 12.960.000

Biểu số 2.11. HĐ GTGT số: 374

HÓA ĐƠN	Mẫu số: 1				
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Kí hiệu: C23TKP				
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)	Số: 374				
Ngày 26 tháng 12 năm 2023					
Mã của cơ quan thuế: 00090CC0A9E61C495B93FFBA8C3FCC0553					
Tên người bán: CÔNG TY TNHH BÔNG KỶ PHONG					
Mã số thuế: 0801100158					
Địa chỉ: Thôn My Cầu, Xã Tân Hồng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam					
Điện thoại: 0396908305					
Số tài khoản: 0341006934229 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CÁT NHẬT MINH					
Mã số thuế: 0201312055					
Địa chỉ: Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Số TK:					
Hình thức thanh toán: TM/CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vải KD PP định lượng 15gr khổ 60"(Mex 15gr)	Mét	10.000	1.200	12.000.000
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					12.000.000
Thuế suất GTGT: 8%			Tiền thuế giá trị gia tăng :		960.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					12.960.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Chữ kí điện tử, Chữ ký số)			Người bán hàng (Chữ kí điện tử, Chữ ký số)		
Ký bởi CÔNG TY TNHH BÔNG KỶ PHONG					
Ký ngày: 26/12/2023 10:45:54					

Ví dụ 2: Ngày 26/12 Công ty thanh toán tiền hàng cho Công Ty TNHH Bông Kỳ
Phong số tiền: 12.960.000 đồng

Định khoản: Nợ TK 331: 12.960.000.

Có TK 111: 12.960.000.

Biểu số 2.12. Phiếu chi số 272

Công ty TNHH Cát Nhật Minh		Mẫu số 02-TT		
Thôn Quán Bể (tại nhà Bà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng		(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)		
PHIẾU CHI		Quyển số:		
Ngày 26 tháng 12 năm 2023		Số: 272		
		Nợ 331: 12.960.000		
		Có 111: 12.960.000		
Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH Bông Kỳ Phong				
Địa chỉ: Thôn My Cầu, Xã Tân Hồng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam				
Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng cho công ty Bông Kỳ Phong theo hóa đơn số 374				
Số tiền: 12.960.000 đồng (viết bằng chữ): Mười hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.				
Kèm theo: Chứng từ gốc.				
<i>Ngày 26 tháng 12 năm 2023</i>				
Giám đốc (Ký, họ tên đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.				
- Tỷ giá ngoại tệ:				
- Số tiền quy đổi:				
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)				

Ví dụ 3: Ngày 29/12 Công ty thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Và Dịch Vụ Hoàng Phát số tiền: 67.425.000 đồng

Định khoản: Nợ TK 331: 67.425.000

Có TK 11213: 67.425.000

Biểu số 2.13. Ủy nhiệm chi

 ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER Ngày 29/12/2023		Mẫu số: 02/SHB Liên số 1: (Copy 1)
ĐƠN VỊ CHUYỂN TIỀN (Applicant) Tên tài khoản: Công ty TNHH Cát Nhật Minh <i>Account name</i> Số tài khoản: 1011309278 <i>Account No.</i> Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội <i>With bank</i>		Số bút toán: TK ghi nợ: TK ghi có: SỐ TIỀN (Amount) Bằng số (<i>In figures</i>): 67.425.000 (VND)
ĐƠN VỊ NHẬN TIỀN (Beneficiary) Đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Và Dịch Vụ Hoàng Phát <i>(Beneficiary)</i> Số TK/ CMT/HC: 0000716530562 <i>Account No/ ID card/ PP No</i> Ngày cấp:Nơi cấp: <i>Date of issue Place of issue</i> Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân đội <i>With bank</i>		Bằng chữ (<i>In words</i>): (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng.) Phí NH ☐ Phí trong ☐ Phí ngoài ☐ <i>(Bank charges) Including Excluding</i> Nội dung (Details of Payment): Thanh toán tiền hàng Công ty Hoàng Phát
ĐƠN VỊ CHUYỂN TIỀN (Applicant) Kế toán trưởng Chủ tài khoản	NGÂN HÀNG (Bank of Applicant) Ghi số ngày (dated).../.../ Giao dịch viên Kiểm soát Teller Supervisor	Ngân hàng B (Bank of Beneficiary) Ghi số ngày (dated).../.../ Giao dịch viên Kiểm soát Teller Supervisor

Biểu số 2.14. Giấy báo nợ của ngân hàng số 065



GIẤY BÁO NỢ

Ngày 29/12/2023

Mã:

Mã KH:

Số GD: 065

Ngân hàng SHB
Chi nhánh: Hải Phòng

Kính gửi : Công ty TNHH Cát Nhật Minh
Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số thuế: 0201312055

Số tài khoản : 1011309278

Tên tài khoản : Công ty TNHH Cát Nhật Minh

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo : Hôm nay tài khoản của quý khách đã được ghi nợ số tiền như sau:

Diễn Giải	Số tiền
Số tham chiếu: Số lệnh: Số tiền chuyển: VND 67.425.000 Số tiền ghi nợ: VND 67.425.000 Nội dung: Thanh toán cho Công ty Hoàng Phát	67.425.000 (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng)

Người lập

Người kiểm soát

Ví dụ 2: Ngày 30/12 Công ty mua dầu nhờn DO 0.05S-II của Công Ty Xăng Dầu Khu Vực III - TNHH Một Thành Viên số lượng là 70,78 lít với đơn giá 17.981,82đ/lít (chưa thuế GTGT).

Định khoản: Nợ TK 1541: 1.272.791

Nợ TK 1331: 127.279

Có TK 331: 1.400.070

Biểu số 2.15. HĐ GTGT số: 871899

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 1		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Kí hiệu: K23TXN		
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)			Số: 871899		
Ngày 30 tháng 12 năm 2023					
Tên người bán: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III - TNHH MỘT THÀNH VIÊN					
Mã số thuế: 0200120833					
Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại: 0906001016					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CÁT NHẬT MINH					
Mã số thuế: 0201312055					
Địa chỉ: Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Số TK:					
Hình thức thanh toán: TM/CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	DO 0.05S-II	Lít	70,78	17.981,82	1.272.791
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					1.272.791
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế giá trị gia tăng :		127.279
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.400.070
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm nghìn không trăm bảy mươi đồng					
Người mua hàng (Chữ kí điện tử, Chữ ký số)			Người bán hàng (Chữ kí điện tử, Chữ ký số)		
Ký bởi Công ty Xăng dầu Khu vực III					
Ký ngày: 30/12/2023 11:35:37					

Biểu số 2.16. Trích Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH Cát Nhật Minh

Mẫu số S03a -DNN

Địa chỉ : Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền),

(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC ngày

Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng

26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
.....					
HĐ374	26/12	Công ty mua thùng carton của Công Ty TNHH Bông Kỳ Phong	152	12.000.000	
		Thuế GTGT	1331	960.000	
		Phải trả người bán	331		12.960.000
PC272	26/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty Bông Kỳ Phong theo hóa đơn số 374	331	12.960.000	
			1111		12.960.000
.....					
BN065	29/12	Thanh toán tiền hàng cho Công ty Hoàng Phát	331	67.425.000	
			11213		67.425.000
HĐ871899	30/12	Công ty mua dầu DO 0.05S-II của Công ty Xăng Dầu Khu Vực III	154	1.272.791	
		Thuế GTGT	1331	127.279	
		Phải trả người bán	331		1.400.070
.....					
		Cộng phát sinh		231.980.286.793	231.980.286.793

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK 331 năm 2023**Đơn vị:** Công ty TNHH Cát Nhật Minh**Mẫu số S03b -DNN****Địa chỉ:** Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền), Xã An

(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC

Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng.

ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI

(dùng cho hình thức Sổ nhật ký chung)

Năm 2023

Số hiệu tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả cho người bán

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK Đôi ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>8.212.358.099</u>
....						
26/12	HĐ374	26/12	Công ty mua thùng carton của Công Ty TNHH Bông Kỳ Phong	152		12.000.000
			Thuế GTGT	1331		960.000
26/12	PC272	26/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty Bông Kỳ Phong theo hóa đơn số 374	1111	12.960.000	
.....	...			...		
29/12	BN065	29/12	Thanh toán cho Công ty Hoàng Phát	11213	67.425.000	
30/12	HĐ871899	30/12	Công ty mua dầu DO 0.05S-II của Công Ty Xăng Dầu Khu Vực III	154		1.272.791
			Thuế GTGT	1331		127.279
....	...					
			Cộng số phát sinh		16.859.723.987	16.099.984.872
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>7.452.618.984</u>

Sổ này mở gồm trang, đánh số từ 01 đến....

Ngày mở sổ: 01/01/2023.

Ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18. Trích sổ chi tiết - CÔNG TY TNHH BÔNG KỲ PHONG**Đơn vị:** Công ty TNHH Cát Nhật Minh**Mẫu số** S12 -DNN**Địa chỉ:** Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền),
Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng.(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016 của BTC)**SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

TÀI KHOẢN: 331

ĐỐI TƯỢNG: CÔNG TY TNHH BÔNG KỲ PHONG

Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>					-
....	...							
26/12	HĐ374	26/12	Công ty mua thùng carton của Công Ty TNHH Bông Kỳ Phong	152		12.000.000		12.000.000
				1331		960.000		960.000
26/12	PC272	26/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty Bông Kỳ Phong theo HĐ374	1111	12.960.000			0
....	...							
			Cộng phát sinh		70.407.840	70.407.840		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>					-

Ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.19. Trích sổ chi tiết - CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ HOÀNG PHÁT**

Đơn vị: Công ty TNHH Cát Nhật Minh

Mẫu số S12 -DNN

Địa chỉ: Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền),

(Ban hành theo Thông tư số :

Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng.

133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

TÀI KHOẢN: 331

**ĐỐI TƯỢNG: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG
PHÁT**

Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>					-
....	...							
29/12	BN065	29/12	Thanh toán cho Công ty Hoàng Phát	11213	67.447.251			103.369.500
			Cộng phát sinh		668.729.393	772.098.893		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>					<u>103.369.500</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.20. Trích sổ chi tiết - CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III - TNHH
MỘT THÀNH VIÊN**

Đơn vị: Công ty TNHH Cát Nhật Minh

Mẫu số S12 -DNN

Địa chỉ: Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền),
Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng.

(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

TÀI KHOẢN: 331

ĐỐI TƯỢNG: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>					-
....	...							
30/12	HĐ871899	30/12	Công ty mua	154		1.272.791		1.272.791
			dầu DO 0.05S- II của Công ty Xăng Dầu Khu Vực III	1331		127.279		127.279
....	...							
			Cộng phát sinh		1.751.359.083	1.751.359.083		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>					-

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21. Trích bảng tổng hợp phải trả người bán.

Đơn vị: Công ty TNHH Cát Nhật Minh

Địa chỉ: Thôn Quán Bể (tại nhà bà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, TP Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: Phải trả người bán

Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
							
BKP	CÔNG TY TNHH BÔNG KỲ PHONG		-	70.407.840	70.407.840		
CPN	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TM CPN VIỆT NAM		-	96.520.000	96.520.000		
HP	CÔNG TY TNHH HOÀNG PHÁT		-	668.729.393	772.098.893		103.369.500
XDAU	CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III - TNHH MỘT THÀNH VIÊN		-	1.751.359.083	1.751.359.083		
							
	Cộng		8.212.358.099	16.859.723.987	16.099.984.872		7.452.618.984

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CÁT NHẬT MINH

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh

Công ty TNHH Cát Nhật Minh là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực vận tải đường bộ, hoạt động buôn bán thương mại. Hiện nay, công ty đã và đang từng bước phát triển trong các lĩnh vực và mở rộng quy mô và thu hút nhiều nhà cung cấp với khách hàng. Vì vậy, kế toán thanh toán người mua, người bán luôn được chú trọng và đang ngày một hoàn thiện hơn để hỗ trợ một cách hiệu quả nhất trong công tác quản lý tài chính của công ty.

3.1.1. Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

- + Công ty xây dựng theo mô hình tập trung, bố trí hợp lý, chặt chẽ, đơn giản, gọn nhẹ nhưng hiệu quả, hoạt động có nề nếp cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.

- + Nhân viên có năng lực, nhiệt tình, ham học hỏi, có trách nhiệm trong công việc, trình độ nghiệp vụ kế toán của nhân viên kế toán luôn được nâng cao.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng hình thức sổ “ Nhật Ký Chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản phổ biến dễ áp dụng phù hợp với hoạt động diễn ra ở công ty. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh dễ dàng trên sổ các sổ cái sổ chi tiết được ghi chép theo trình tự thời gian. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp thuận tiện với trình độ của nhân viên và tình trạng trang thiết bị kỹ thuật của công ty. Công tác tính toán, xử lý thông tin phù hợp với đặc điểm phục vụ kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của công ty.

- Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ: Công ty đã sử dụng đầy đủ chứng từ bắt buộc theo quy định và thực hiện nghiêm túc các bước trong quy trình luân chuyển chứng từ, tạo điều kiện cho công tác hạch toán kế toán ban đầu được chính xác và công tác kiểm tra đối chiếu sau này được thuận lợi.

- Về hệ thống tài khoản: công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản đúng theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016.

- Về hạch toán kế toán thanh toán: công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn được thực hiện kịp thời, công ty đã sử dụng sổ chi tiết để theo dõi công nợ từng đối tượng người mua, người bán. Theo dõi chi tiết như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp 1 cách nhanh chóng, kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho nhà quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty, nhà quản lý có thể nắm bắt tình hình tài chính của công ty và hoạch định chiến lược. Kế toán viên tiến hành kiểm soát, thu hồi công nợ thường xuyên tiếp cận khách hàng để có quyết định trong việc thu hồi công nợ. Bộ phận kế toán đã triển khai hoạt động thanh toán cho nhà cung cấp một cách hiệu quả, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy trình nội bộ và không ghi nhận khó khăn hay bất cập nào trong quá trình thực hiện.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được việc tổ chức kế toán thanh toán tại công ty TNHH Cát Nhật Minh vẫn còn những hạn chế nhất định.

- Quản lý công nợ là một khâu hết sức thiết yếu đối với sự tồn tại và phát triển của công ty tuy nhiên công ty vẫn chưa có những biện pháp để quản lý công nợ sát sao và hiệu quả dẫn đến vẫn còn nhiều khách hàng thanh toán chậm thời hạn. Đối với những khoản nợ ngoài việc cố gắng để thu hồi thì công ty chưa đưa ra được biện pháp nào để xử lý, khắc phục theo hướng có lợi nhất cho công ty trong khi với tình hình kinh tế như hiện nay thì nợ khó đòi hoàn toàn có thể xảy ra và trở thành nợ không có khả năng thu hồi. Số vòng quay lưu động thấp dẫn đến hiệu quả kinh doanh của công ty thấp.

Sau đây là bảng báo cáo tình hình công nợ phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2023 tại Công ty Cát Nhật Minh.

Công ty TNHH Cát Nhật Minh**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG*****Đến ngày 31/12/2023***

STT	Tên công ty	Dư nợ đến 31/12/2023	Chưa đến hạn thanh toán	Đến hạn thanh toán	Quá hạn thanh toán	Ghi chú
1	Công Ty TNHH Dũng Hùng	135.945.702			135.945.702	5 tháng
2	Công Ty TNHH Freedom Footwear Vina	206.140.401	206.140.401			
3	Công Ty TNHH Samil Hà Nội Vina	157.423.399	157.423.399			
4	Công Ty TNHH Giày Evergreen	195.858.000		195.858.000		
...	...	...	...	...	...	
	Tổng cộng	7.531.512.146	6.710.063.444	685.503.000	135.945.702	

Ngày thángnăm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Trong công tác kế toán thanh toán công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán

Hiện nay, nền kinh tế nước nhà một ngày phát triển, mở ra vô vàn cơ hội cho mỗi doanh nghiệp. Bên cạnh đó cơ hội đó là nhiều thử thách, khó khăn nên mỗi doanh nghiệp phải cố gắng vượt qua thử thách để ngày một lớn mạnh hơn. Đóng phần quan trọng trong công ty là bộ phận kế toán. Phòng kế toán luôn cố gắng hết mình để hoàn thiện bộ máy kế toán góp phần phát triển công ty. Đặc biệt là công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại doanh nghiệp.

3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh

Giải pháp 1: Quản lý công nợ

Lập hồ sơ theo dõi cho từng khách hàng

Với một hồ sơ khách hàng được trình bày 1 cách khoa học và cập nhật liên tục với người quản lý nắm bắt được đầy đủ về thông tin của một khách hàng. Sau đây em xin phép đề xuất một mẫu hồ sơ theo dõi khách hàng như sau:

HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng:
Tên viết tắt:
Địa chỉ:
Điện thoại: Số Fax (*Fax No.*)
Địa chỉ thư điện tử:
Loại hình đăng ký doanh nghiệp (Công ty cổ phần, Công ty TNHH...)
.....
Ngành nghề đăng ký kinh doanh:
Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Mã doanh nghiệp):
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Mã số thuế:
Tài khoản ngân hàng:
Người đại diện theo pháp luật:ĐT:
Người giao dịch: ĐT:

Ví dụ: Hồ sơ theo dõi khách hàng

HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH GIÀY EVERGREEN**

Tên viết tắt: **EVERGREEN SHOES CO.,LTD**

Địa chỉ: Thôn Lộc Trù (xưởng nhà bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh), Xã Tiên Thắng,
Huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

Mã số thuế: 0201775624

Điện thoại: 0225.393286

Số Fax (*Fax No.*).....

Địa chỉ thư điện tử:

Loại hình đăng ký doanh nghiệp (Công ty cổ phần, Công ty TNHH...): Công
ty TNHH

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: Sản xuất giày dép

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Mã doanh nghiệp):.....

Ngày cấp: 11/03/2017

Nơi cấp: Thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế: 0201775624

Tên ngân hàng: Ngân hàng Techcombank - Hải Phòng

Số tài khoản:

Người đại diện theo pháp luật: Lam Lai Yuk ĐT:

Người giao dịch: Nguyễn Thị Quỳnh Anh ĐT:

➤ Giải pháp về việc đối chiếu công nợ định kỳ:

Đối chiếu công nợ định kỳ diễn ra và cuối tháng nhằm giúp cho công ty quản lý không bỏ sót các khoản nợ đối với người mua, người bán và theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch thanh toán các khoản nợ phải trả tránh để nợ quá dài hạn.

Với công nợ phải trả cho công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:

Hải Phòng, ngày....tháng... năm...

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày....tháng...năm...Tại văn phòng Công ty...,chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): CÔNG TY TNHH CÁT NHẬT MINH

- Địa chỉ: Thôn Quán Bể (Tại nhà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng

- Điện thoại:

Fax:

- Đại diện: Lê Thị Huyền

Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B (Bên mua):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....Fax:.....

- Đại diện:.....Chức vụ:.....

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau :

Công nợ đầu kì:.....đồng

Số phát sinh trong kì:

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền

3. Số tiền bên B đã thanh toán:.....đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày.....bên B phải thanh toán cho Công ty
.....số tiền là:.....

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên.

- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH Cát Nhật Minh không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Ví dụ: Biên bản đối chiếu công nợ với CÔNG TY TNHH GIÀY EVERGREEN
CÔNG TY TNHH CÁT NHẬT MINH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hải Phòng, Ngày 30 tháng 11 năm 2023

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 2911/2023/CNM-EG
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại văn phòng Công ty TNHH Cát Nhật Minh, chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): CÔNG TY TNHH CÁT NHẬT MINH

- Địa chỉ: Thôn Quán Bể (Tại nhà Lê Thị Huyền), Xã An Thái, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Điện thoại:

Fax:

- Đại diện: Lê Thị Huyền

Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B (Bên mua): CÔNG TY TNHH GIÀY EVERGREEN

- Địa chỉ: Thôn Lộc Trù (xưởng nhà bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh), Xã Tiên Thắng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Điện thoại:

Fax:

- Đại diện: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh Chức vụ: Phó Giám đốc

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau :

Công nợ đầu kì: 0 đồng

Số phát sinh trong kì:

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền
29/11/2023	347	33.900.000	2.712.000	36.612.000
	Tổng cộng			36.612.000

3. Số tiền bên B đã thanh toán: 0 đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày 30/11 bên B phải thanh toán cho Công ty TNHH Cát Nhật Minh số tiền là: 36.612.000 đồng.

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên.

- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH Cát Nhật Minh không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giải pháp 2: Giải pháp thu hồi nợ hiệu quả

Vấn đề nợ xấu trong doanh nghiệp luôn là vấn đề được các ban quản lý quan tâm. Vì vậy việc quản lý công nợ là một khâu hết sức thiết yếu đối với sự thành công của một doanh nghiệp.

- Bằng mọi giá phải cố gắng thu hồi nợ được ở trong giai đoạn thương lượng đàm phán bởi công ty sẽ tiết kiệm được tài chính thời gian.

- Đưa ra rõ ràng chính sách trong hợp đồng để hạn chế tối đa những vấn đề phát sinh sau. Thể hiện cụ thể thời hạn và phương thức thanh toán ghi rõ hạn thanh toán và hạn chót thanh toán.

- Lập một quy trình rõ ràng thu hồi nợ cho công ty: Khi làm việc với khách hàng công ty nên lập 1 quy trình thu hồi nợ để xác định được rõ cá nhân nào sẽ chịu trách nhiệm gửi thư nhắc nhở hoặc thông báo các khoản nợ với khách hàng.

- Lưu trữ dưới dạng tài liệu mọi giao dịch như liên hệ với khách hàng bằng email, thư, cuộc gọi,.. Đó sẽ là tài liệu nếu xảy ra tranh chấp sau này.

- Áp dụng chính sách thanh toán chặt chẽ hơn: yêu cầu thanh toán trước một phần đối với khách hàng mới, hoặc tăng cường các biện pháp kiểm tra tín dụng.

- Ngừng cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ cho khách hàng khi họ chưa thanh toán đúng hạn, đồng thời thông báo về các hậu quả nếu không thanh toán.

Giải pháp 3: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán chưa có quy định thống nhất của bộ tài chính vì vậy mức chiết khấu thanh toán có thể do công ty quy định.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán phải được như cụ thể trong hợp đồng kinh tế được ký kết giữa hai bên, đây là điều kiện cần và đủ để làm căn cứ thực hiện chiết khấu thanh toán đối với khách hàng.

Số tiền chiết khấu thanh toán được hưởng = Tổng số tiền thanh toán x tỷ lệ chiết khấu x số ngày thanh toán trước hạn

Phương pháp hạch toán:

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK: 131, 111, 112, ...

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chí phí tài chính

Năm 2023, doanh nghiệp chủ yếu giao dịch qua tài khoản ngân hàng SHB. Tại thời điểm này mức lãi suất gửi tiết kiệm ngân hàng SHB năm 2023 là 6.6%/năm, mức lãi suất cho vay là 8%/ năm.

Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất tiết kiệm, nhưng không được vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Ví dụ như:

+ Khách hàng thanh toán sớm từ dưới 15 ngày, được hưởng chiết khấu 0.45% tháng.

+ Khách hàng thanh toán sớm từ 15 - 30 ngày, được hưởng chiết khấu 0.50% tháng.

+ Khách hàng thanh toán sớm từ ngày 30 trở lên, được hưởng chiết khấu 0.60% tháng.

Ví dụ minh họa:

Ngày 31/10/2023, bán hàng cho Công Ty TNHH Giày Evergreen

Định khoản:

Nợ TK 131: 136.674.000

Có TK 511: 126.550.000

Có TK 3331: 10.124.000

Ngày 05/11/2023, Công Ty TNHH Giày Evergreen đã thanh toán toàn bộ 100% tiền hàng mua ngày 31/10/2023, mặc dù theo hợp đồng đã ký trước đó Công Ty TNHH Giày Evergreen đến ngày 30/11/2023 mới đến hạn thanh toán tiền hàng. Công Ty TNHH Giày Evergreen đã thanh toán trước 26 ngày. Kế toán tính chiết khấu thanh toán Công ty TNHH Giày Evergreen như sau:

⇒ Tiền chiết khấu = $(0.50\%/30) \times 26 \times 136.674.000 = 592.254$

Định khoản:

Nợ TK 635: 592.254

Có TK 111: 592.254

Giải pháp 4: Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hiện nay, chiếu theo điều kiện của việc lập dự phòng phải thu khó đòi, Công ty TNHH Cát Nhật Minh chưa trích lập dự phòng. Nhưng để kiểm soát được nguồn tài chính của công ty tránh được tổn thất do các khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong tương lai nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, sau đây em xin đưa ra các điều kiện cũng như phương hướng lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của nhà nước.

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp cho doanh nghiệp hạn chế tối đa số tổn thất phải chịu khi có một khách hàng xảy ra sự cố không thể đòi được nợ.

Căn cứ để trích lập dự phòng là dựa vào văn bản pháp luật là thông tư số 48/2019 - BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019.

Đối tượng lập dự phòng:

- + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách sợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, ...

- + Các khoản nợ phải thu (bao gồm cả các khoản doanh nghiệp đang cho vay và khoản trái phiếu chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán mà doanh nghiệp đang sở hữu) đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng, bản cam kết,.. đồng thời đảm bảo điều kiện sau:

- a) Phải có chứng từ gốc chứng minh số tiền đối tượng nợ chưa trả, bao gồm:

- Một trong số các chứng từ gốc sau: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ;

- Bản thanh lý hợp đồng (nếu có);

- Đối chiếu công nợ; trường hợp không có đối chiếu công nợ thì phải có văn bản đề nghị đối chiếu xác nhận công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát);

- Bảng kê công nợ;

- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có).

- b) Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên (tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến thời gian gia hạn trả nợ giữa các bên), doanh nghiệp đã gửi đối chiếu xác nhận nợ hoặc đơn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định đối tượng nợ có khả năng không trả được nợ đúng hạn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

- Riêng đối với các khoản nợ mua của doanh nghiệp mua bán nợ (có đăng ký ngành nghề và hoạt động mua bán nợ theo đúng quy định của pháp luật), thời gian quá hạn được tính kể từ ngày chuyển giao quyền chủ nợ giữa các bên (trên cơ sở biên bản hoặc thông báo bàn giao quyền chủ nợ) hoặc theo cam kết gần nhất (nếu có) giữa doanh nghiệp đối tượng nợ và doanh nghiệp mua bán nợ.

2. Mức trích lập:

a) Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

b) Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông và doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ hàng hóa, khoản nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau và khoản nợ phải thu do bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các đối tượng nợ là cá nhân đã quá hạn thanh toán mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 6 tháng.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 9 tháng.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 9 tháng đến dưới 12 tháng.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 12 tháng trở lên.

c) Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết

vụ án thì doanh nghiệp tự dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng.

3. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm nếu các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định sau:

a) Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp không được trích lập bổ sung khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

b) Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp trích lập bổ sung số chênh lệch đó và ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

c) Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch đó và ghi giảm chi phí trong kỳ.

d) Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nêu trên. Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp.

đ) Đối với khoản nợ mua của doanh nghiệp mua bán nợ, căn cứ phương án mua, xử lý nợ và các nguyên tắc trích lập dự phòng tại Thông tư này để thực hiện trích lập dự phòng, số dự phòng được trích lập tối đa bằng số tiền mà doanh nghiệp đã bỏ ra để mua khoản nợ, thời gian trích lập tối đa không quá thời gian tái cơ cấu doanh nghiệp, thu hồi nợ tại phương án mua, xử lý nợ.

e) Doanh nghiệp không thực hiện trích lập dự phòng khoản nợ phải thu quá thời hạn thanh toán phát sinh từ khoản lợi nhuận, cổ tức được chia do góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

g) Khi trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của một đối tượng nợ có phát sinh cả nợ phải thu và nợ phải trả, căn cứ biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên

để doanh nghiệp trích lập dự phòng trên cơ sở số còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả của đối tượng này.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được kế toán thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính:

a) Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

b) Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

c) Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331, 334....(phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 (phần được tính vào chi phí)

Có TK 131, 138, 128, 244...

d) Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được doanh nghiệp xử lý xoá nợ, nếu sau đó doanh nghiệp lại thu hồi được nợ, kế toán sẽ căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 711 - Thu nhập khác

đ) Còn Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn được bán theo giá thoả thuận, thì tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138, 128, 244...

- Đối với Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã được lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138, 128, 244...

e) Kế toán xử lý các khoản dự phòng phải thu khó đòi trước khi doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng phải thu khó đòi sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn Nhà nước, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty TNHH Cát Nhật Minh

BẢNG TÍNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Năm 2023

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty TNHH Dũng Hùng	135.945.702	5 tháng	30%	40.783.711
.....					
	Tổng cộng	135.945.702	X	x	40.783.711

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nhìn vào báo cáo trên có thể thấy Công ty cần trích lập dự phòng năm 2023 đối với các khoản nợ như sau:

- Công ty TNHH Dững Hường theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2023 thì khoản nợ **135.945.702** đồng có hạn thanh toán là ngày 31/07/2023, đã quá hạn thanh toán 5 tháng.

Mặc dù các khoản nợ đã quá hạn nhưng Công ty không tiến hành trích lập dự phòng cũng như không tiến hành xử lý xóa sổ, việc không trích lập nợ phải thu khó đòi có thể dẫn đến ảnh hưởng về mặt tài chính của công ty khi mà trong tương lai công ty không thu hồi được nợ.

Kế toán sẽ tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên Báo cáo tình hình công nợ như sau:

- Số dự phòng nợ phải thu khó đòi:

$$135.945.702 \times 30\% = 40.783.711$$

Căn cứ vào số liệu trên kế toán ghi:

Nợ TK 642: 40.783.711

Có TK 2293: 40.783.711

KẾT LUẬN

1. Kết luận

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh em đã nhận ra được tầm quan trọng của kế toán thanh toán với người mua, người bán. Khóa luận đã đề cập vấn đề lý luận chung và đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thanh toán của người bán, người mua của công ty.

Đề tài khóa luận tốt nghiệp “Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Cát Nhật Minh” có những vấn đề cơ bản:

Về lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu tháng 12 năm 2023. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán của công ty có một số ưu điểm và hạn chế chính sau:

- Ưu điểm:
 - + Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, khoa học.
 - + Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính.
 - + Về công tác kế thanh toán được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình công ty, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình công nợ.
- Hạn chế: Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý công nợ tại Công ty TNHH Cát Nhật Minh:

- Công ty cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để đảm bảo để nguyên tắc thận trọng trong kế toán.
- Công ty nên lập hồ sơ để theo dõi và quản lý khách hàng khoa học hơn.
- Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm.

- Công ty nên có biện pháp quản lý công nợ.

Do thời gian thực tập có hạn, kiến thức bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo. Cuối cùng, em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Ban giám đốc, các anh chị trong Phòng kế toán đã tận tình giúp đỡ, cung cấp số liệu cho bài viết này. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến cô giáo hướng dẫn Ths. Phạm Thị Nga - người đã trực tiếp chỉ bảo, hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 10 tháng 05 năm 2025

Sinh viên thực tập

Nguyễn Thị Cẩm Vân

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH Cát Nhật Minh (2023), *Sổ sách kế toán Công ty*.